TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2018
V/v "tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Diễm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Tám**
2. Ông **Bùi Văn Màu**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nhan Minh Hoàng** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Mộng T,** sinh năm 1982.
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2.Bị đơn: Anh **Trần Văn R,** sinh năm 1986.
Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh R vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 02/01/2018 nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T trình bày:

Do quen biết nên chị và anh Trần Văn R chung sống với nhau từ năm 2007, do không hiểu biết về pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng hơn một năm nay xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh R không lo làm ăn, không chăm lo đời sống vợ con nên vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Trung N, sinh ngày 11/12/2009, hiện đang sống với chị. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Nay chị xin ly hôn với anh Trần Văn R. Về con chung: chị yêu cầu được nuôi cháu Trần Trung N, sinh ngày 11/12/2009 và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Văn R đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng

cứ và hòa giải nhưng anh R vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Trần Văn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Lê Thị Mộng T và anh Trần Văn R chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007. Trong thời gian chung sống chị T và anh R không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Nay chị T xin ly hôn với anh R và anh R không có văn bản ý kiến trả lời. Do đó căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh R không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh R có một con chung tên Trần Trung N, sinh ngày 11/12/2009 hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Trung N hiện đang sống chung với chị T ổn định từ khi sinh ra cho đến nay, cháu N có Tờ tự khai xác định cháu muốn sống chung với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng cháu N là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho cháu N. Chị T xác định không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Chị Lê Thị Mộng T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mộng T và anh Trần Văn R.

2.Về con chung: Chị Lê Thị Mộng T được tiếp tục nuôi dưỡng một con chung giữa chị và anh Trần Văn R là cháu Trần Trung N, sinh ngày 11/12/2009. Anh Trần Văn R không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn R có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3.Về tài sản chung: Không có.

4.Về nợ chung: Không có.

5.Về án phí Chị Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phíhôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai số 08051 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như chị T thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

6.Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mộng T và anh Trần Văn R được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã A, Huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm